

Tam Nông, ngày 28 tháng 6 năm 2019

Số: 01/2019/QĐST - KDTM

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 3 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ khoản 2, 7 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH - 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2019/TLST - KDTM ngày 12 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: NGÂN HÀNG TMCP N

Địa chỉ trụ sở chính: 198 T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ng, chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng V, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội. (Theo giấy ủy quyền số 64/UQ - VCB - PC ngày 16 tháng 02 năm 2016)

Người được ủy quyền lại: Ông Trần Thượng A - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp 1 Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh Hà Nội. (Theo giấy ủy quyền số 71/UQ - HAN - KHDN1 ngày 27 tháng 5 năm 2019)

- Bi đơn: CÔNG TY TNHH Đ

Người đại diện theo pháp luật: Ông Khương Ngọc K, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Khu 1, xã Tề Lễ, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: CÔNG TY CỔ PHẦN Đ

Địa chỉ: Số 11 ngõ 74 đường T, phường P, quận Đống Đa, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Vũ Thị Minh N**, chức vụ: Tổng giám đốc, chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Nghĩa vụ trả nợ tiền vay:

Ngân hàng TMCP NN người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng V, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP N- Chi nhánh Hà Nội và Công ty TNHH Đ, Người đại diện theo pháp luật ông Khương Ngọc K, chức vụ: Giám đốc; Công ty CỔ PHẦN Đ, Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị Minh N, chức vụ: Tổng giám đốc, chủ tịch Hội đồng quản trị thống nhất thỏa thuận: Tính đến ngày 26/05/2019 Công ty TNHH Đ còn nợ Ngân hàng TMCP N- Chi nhánh Hà Nội số tiền dư nợ gốc và lãi đang quá hạn cụ thể của hai hợp đồng là:

-Hợp đồng số 01/16/DH/VCBHN-ĐTK.PT ngày 17/03/2016 tổng số tiền dư nợ lãi đang quá hạn là 99.113.619.859đ (Trong đó Số dư nợ lãi trong hạn quá hạn là 47.604.163.648đ, Số dư nợ lãi quá hạn quá hạn là 32.492đ, Nợ lãi chậm trả là 51.509.423.719đ).

-Hợp đồng số 01/2017/TDK/VCBHN-DTK PT ngày 20/06/2017 tổng số tiền dư nợ gốc và lãi đang quá hạn là 33.980.309.799đ (Trong đó Số dư nợ gốc quá hạn là 33.078.258.169đ, Số dư nợ lãi trong hạn quá hạn là 902.051.630đ).

Tổng số tiền gốc, lãi của cả hai hợp đồng Công ty TNHH Đ đang quá hạn tổng số nợ gốc, lãi là: 133.093.929.658đ (Một trăm ba mươi ba tỷ, không trăm chín mươi ba triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng).

- Các bên thống nhất thỏa thuận:

+ Công ty TNHH Đ trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền dư nợ gốc và lãi đang quá hạn 133.093.929.658đ (Một trăm ba mươi ba tỷ, không trăm chín mươi ba triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng) vào ngày 25/6/2019.

+ Công ty TNHH Đ tiếp tục trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng TMCP N- Chi nhánh Hà Nội theo lịch trả nợ và quy định tại Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 01/16/DH/VCBHN-ĐTK.PT ngày 17/03/2016, Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2017/TDK/VCBHN-DTK PT ngày 20/06/2017 và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2017/HM/VCBHN-DTK PT ngày 20/06/2017.

+ Nếu đến thời điểm trả nợ theo thỏa thuận mà Công ty TNHH Đ không trả nợ thì Công ty TNHH Đ phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 01/16/DH/VCBHN-ĐTK.PT ngày 17/03/2016, Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2017/TDK/VCBHN-DTK PT ngày 20/06/2017 và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/2017/HM/VCBHN-DTK PT ngày 20/06/2017 cho ngân hàng TMCP N

- Trường hợp nếu Công ty TNHH Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì VCB thông qua VCB Hà Nội có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của Công ty TNHH Đ theo Hợp đồng thế chấp động sản và quyền tài sản số 01/2016/HĐTC/ĐSQTS/VCBHN-ĐTK.PT ngày 17/03/2016, hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 01/2016/HĐTC/BĐS/VCBHN-ĐTK.PT công chứng ngày 06/05/2016, hợp đồng thế chấp quyền đối với phần vốn góp số 01/2016/HĐTC/PVG/VCBHN-ĐTK ngày 17/03/2016, hợp đồng thế chấp cổ phần số 01/2017/HĐTC/PVG/VCBHN-ĐTK ký ngày 27/10/2017, hợp đồng thế chấp cổ phần số 02/2017/HĐTC/CP/VCBHN-ĐTK ký ngày 27/10/2017, hợp đồng thế chấp số 01/2018/HĐTC/HTK/VCBHN-ĐTK.PT ngày 20/01/2018 để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

* □n phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH Đphải chịu 120.547.000đ (Một trăm hai mươi triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP số tiền 120.546.000đ (Một trăm hai mươi triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng chẵn) là tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0003625 ngày 10/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tam Nông;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- CC.THADS huyện Tam Nông;
- Các bên DS;
- L- u: DS+HSVA.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Thu Huyền

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Việt Trì, ngày 25 tháng 10 năm 2012

Số: 127/2012/TL - QĐ

TRÍCH LỤC QUYẾT ĐỊNH DÂN SỰ

Tại quyết định dân sự sơ thẩm số 127/2012/QĐST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2012 về việc “Kiện đòi tài sản” giữa:

Nguyên đơn: Chị **D- ơng Thị Thuỷ** - Sinh năm: 1962

Trú tại: Tổ 57 - Khu 14 - ph- ờng Thanh Miếu - TP. Việt Trì - tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim Toàn** - Sinh năm: 1978.

Trú tại: Tổ 19 - Khu 4 - ph- ờng Thanh Miếu - TP. Việt Trì - tỉnh Phú Thọ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ ĐÃ QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Chị **D- ơng Thị Thuỷ** - Sinh năm: 1962

Trú tại: Tổ 57 - Khu 14 - ph- ờng Thanh Miếu - TP. Việt Trì - tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Kim Toàn** - Sinh năm: 1978.

Trú tại: Tổ 19 - Khu 4 - ph- ờng Thanh Miếu - TP. Việt Trì - tỉnh Phú Thọ.

2. Sự thoả thuận của các đ- ơng sự cụ thể nh- sau:

* Chị Nguyễn Thị Kim Toàn có nghĩa vụ trả chị D- ơng Thị Thuỷ 170.000.000đ (Một trăm bảy m- ươi triệu đồng). Thời hạn trả là ngày 02/11/2012.

Đến hạn trả tiền mà chị Toàn không trả tiền cho chị Thuỷ mà chị Thuỷ có đơn đề nghị thi hành án thì chị Toàn còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ

bản do Ngân hàng Nhà nước công bố t-ơng ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

* □n phí dân sự sơ thẩm:

- Chị D-ơng Thị Thuỷ phải chịu 4.250.000đ (Bốn triệu hai trăm năm m-oi nghìn đồng). Xác nhận chị Thuỷ đã nộp tiền tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00428 ngày 01/10/2012 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Việt Trì).

Trong t□ờng hợp quyết định này đ□ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ